

Bản án số: 22/2019/DS-ST.

Ngày: 19/11/2019.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.

2. Bà Vi Thị Ty.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nông Trường Sinh-Kiểm sát viên (KSV).

Ngày 19/11/2019, tại trụ sở TAND huyện Kbang, TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2019/TLST-DS ngày 15/8/2019 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-DS ngày 14/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh B, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đồng Gia Lai.

Địa chỉ: Số 35 đường Võ Thị Sáu, thị trấn K, huyện K, tỉnh G.

- Bị đơn: Vợ chồng bà Hoàng Thị T, sinh năm 1969 và ông Hoàng Văn N, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 9 (trước đây TDP 17), thị trấn K, huyện K, tỉnh G.

Ông B có mặt, bà T và ông N lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, được bổ sung tại bản tự khai ngày 16/8/2019, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Thanh B trình bày:

Ngày 02/8/2018, vợ chồng bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn N đã vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) với số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng (*ba tỷ đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số: 2748/HĐTD ngày 02/8/2018; mục đích sử dụng tiền vay: Mua bán hàng nông sản; thời hạn cho vay là 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 02/8/2019; lãi suất cho vay trong hạn 9.20%/năm, lãi suất quá hạn là 13,80%/năm; khoản vay này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3570 ngày 03/8/2017, Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 3570-01/PLHĐTC ngày 03/8/2018 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 2748 ngày 02/8/2018.

Sau khi vay vốn, bà T và ông N đã sử dụng vốn vay không hiệu quả. Đến ngày 02/8/2019, ông bà không trả nợ theo đúng nội dung đã ký kết nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở bà T và ông N trả nợ nhưng ông bà vẫn cố tình không trả. Vì vậy, tính đến hết ngày 05/8/2019, bà T và ông N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 138.378.082 đồng (*tạm tính đến ngày 05/8/2019*) và nợ lãi quá hạn là 1.134.247 đồng (*tạm tính đến ngày 05/8/2019*).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T và ông N phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và quá hạn phát sinh tạm tính đến ngày 05/8/2019 là 3.139.512.329 đồng

Tại Bảng kê tính lãi, Ngân hàng bổ sung yêu cầu bà T và ông N phải trả thêm số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn phát sinh từ ngày 06/8/2019 đến ngày 19/11/2019 (*ngày xét xử sơ thẩm vụ án*) lần lượt là 80.153.425 đồng và 40.076.712 đồng. Số tiền Ngân hàng yêu cầu bà T và ông N phải trả nợ cho Ngân hàng tổng cộng là 3.259.742.466 đồng, gồm: Nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 218.531.507 đồng và nợ lãi quá hạn là 41.210.959 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 19/11/2019*).

Ngân hàng bổ sung yêu cầu (*theo thỏa thuận của hai bên đương sự tại Hợp đồng tín dụng*): Lãi suất đối với tiền lãi chậm trả: Trường hợp khách hàng không trả tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng này thì khách hàng phải trả lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 10% năm (0,0277%/ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (*thời gian chậm trả tính theo ngày*).

Trường hợp bà T và ông N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông, bà để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà T và ông N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:

-01 Quyết định V/v tham gia quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án SỐ 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 (bản sao);
Bảng kê tính lãi (bản chính);

- 01 Văn bản ủy quyền về việc tham gia quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 107/NHNNKBĐGL-TH ngày 06/8/2019 (bản chính);
- 02 Chứng minh nhân dân tên Hoàng Thị T và Hoàng Văn Nn (bản sao);
- 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Hoàng Thị T (bản sao);
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh – Hộ kinh doanh cá thể số 39B8000888/HKD của bà Hoàng Thị T (bản sao);
- 01 Hợp đồng tín dụng số 2748/HĐTD ngày 02/8/2018 giữa Agribank chi nhánh huyện Kbang, Đông Gia Lai và bà Hoàng Thị T, ông Hoàng Văn N (bản sao);
- 01 Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3570 ngày 03/8/2017 giữa Bên nhận thế chấp là Agribank chi nhánh huyện Kbang, Đông Gia Lai và Bên thế chấp là bà Hoàng Thị Th, đồng sở hữu ông Hoàng Văn N (bản sao);
- 01 Phụ lục hợp đồng thế chấp số 3570-01/PLHĐTC ngày 03/8/2018 (bản sao);
- 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AL 902861 (bản sao);
- 01 Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 2748 ngày 02/8/2018 giữa Bên nhận thế chấp là Agribank chi nhánh huyện Kbang, Đông Gia Lai và Bên thế chấp là bà Hoàng Thị T và đồng sở hữu ông Hoàng Văn N (bản sao);
- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 476981 ngày 28/3/2018 (bản sao);
- 01 Giấy Báo nợ đến hạn ngày 22/7/2019 (bản sao);
- 01 Thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 03/8/2019 (bản sao);
- 01 Chứng từ giải ngân, lịch sử giao dịch tiền vay (bản sao);
- 01 Bảng kê tạm tính lãi (bản sao).

Đối với bị đơn bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn N:

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập ông bà đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên công khai chứng cứ và hoà giải do Tòa án tổ chức. Do bà T và ông N thường vắng mặt tại địa chỉ cư trú là TDP 9, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; ông, bà không thông báo địa chỉ mới của mình cho Ngân hàng và chính quyền địa phương biết nên Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Do vụ án hai lần không tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải được vì bà T và ông N vắng mặt nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 30/10/2019 và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ nhưng bà T và ông N đã vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo như quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1969 và ông Hoàng Văn N, sinh năm 1971, có địa chỉ tại: Tổ dân phố 9 (trước đây TDP 17), thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; điều này được thể hiện qua chứng cứ do Ngân hàng giao nộp là Giấy CMND mang tên Hoàng Thị T và Hoàng Văn N (bản sao), Sổ Hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Hoàng Thị T (bản sao).

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 93, 94, 95, 108, 144, 147, 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

-Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, buộc bị đơn bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 3.259.742.466 đồng, gồm: Nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 218.531.507 đồng và nợ lãi quá hạn là 41.210.959 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 19/11/2019*).

- Buộc bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn N phải chịu án phí DSST là 97.194.849 đồng.

-Hoàn trả cho bà Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 47.395.123 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Việc vay vốn giữa bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn N với Ngân hàng được thể hiện qua Hợp đồng tín dụng số 2748/HĐTD ngày 02/8/2018 là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Vì vậy, việc bà T và ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng, buộc Ngân hàng khởi kiện đòi nợ là có cơ sở và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do Ngân hàng cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 2748/HĐTD ngày 02/8/2018 được ký kết giữa Ngân hàng với bà T, ông N đã thể hiện rõ việc Ngân hàng cho bà T, ông N vay số tiền là 3.000.000.000 đồng (*ba tỷ đồng*); mục đích sử dụng tiền vay: Mua bán hàng nông sản; thời hạn cho vay là 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 02/8/2019; lãi suất cho vay trong hạn 9.20%/năm, lãi suất quá hạn là 13,80%/năm; khoản vay này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3570 ngày 03/8/2017, Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 3570-01/PLHĐTC ngày 03/8/2018 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 2748 ngày 02/8/2018.

Tuy nhiên, sau khi vay tiền thì bà T, ông N đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, không trả được nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông bà trả nợ. Điều này thể hiện việc bà T và ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, buộc Ngân hàng phải chuyển khoản nợ của ông bà thành nợ quá hạn và khởi kiện đòi nợ là có cơ sở.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông N luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, đã thể hiện rõ việc ông bà có vay nợ nên phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Từ những phân tích như trên, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà T, ông N là có căn cứ và đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận; buộc bà T và ông N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 218.531.507 đồng và nợ lãi quá hạn là 41.210.959 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 19/11/2019*), tổng cộng là 3.259.742.466 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bà T và ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 97.194.849 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4]. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng phải chịu toàn bộ chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.050.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí Ngân hàng đã nộp là 3.050.000 đồng theo Phiếu thu ngày 21/8/2018 của TAND huyện KBang, tỉnh Gia Lai. Ngân hàng đã nộp đủ chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, buộc bị đơn bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn N phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 2748/HĐTD ngày 02/8/2018 là 3.259.742.466 đồng (*ba tỷ hai trăm năm mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng*), gồm: Nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 218.531.507 đồng và nợ lãi quá hạn là 41.210.959 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 19/11/2019*).

Lãi suất đối với tiền lãi chậm trả (*theo thỏa thuận của hai bên đương sự tại hồ sơ vay vốn*): Trường hợp bà T và ông N không trả tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2748/HĐTD ngày 02/8/2018 thì ông, bà phải trả lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 10% năm (0,0277%/ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (*thời gian chậm trả tính theo ngày*).

Trường hợp bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn N nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện KBang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông, bà theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3570 ngày 03/8/2017, Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 3570-

01/PLHĐTC ngày 03/8/2018 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 2748 ngày 02/8/2018 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà T và ông N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận THA, quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo các điều 6, 7 và 9 LTHADS; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 LTHADS.

Về án phí:

Buộc ông bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 97.194.849 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 47.395.123 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003142 ngày 14/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm; thời hạn trên đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA